

**Thực trạng bắt nạt ở học sinh trung học: Một nghiên cứu cắt ngang**

**Nguyễn Thị Ngọc Bé, Đậu Minh Long, Nguyễn Thanh Hùng, Hồ Thị Trúc Quỳnh,
Phạm Thị Thuý Hằng**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 26/8/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 05/10/2024

Ngày nhận đăng: 21/10/2024

Ngày xuất bản: 20/8/2025

Từ khóa:

Bắt nạt trực tuyến

Bắt nạt truyền thống,

HS trung học cơ sở

HS trung học phổ thông

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng bắt nạt (bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến) ở HS trung học. Có 1582 HS của 23 trường THCS và THPT của tỉnh Thừa Thiên Huế, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nội, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh đã tham gia vào nghiên cứu và hoàn thành bảng hỏi gồm các câu hỏi về nhân khẩu học, thang đo thủ phạm và nạn nhân bắt nạt trực tuyến (The Cyberbullying and Victimization Questionnaire) của Campfield (2008). Kết quả cho thấy, đối với bắt nạt truyền thống, có 3,1% HS tự báo cáo là thủ phạm, 21,2% là nạn nhân và 15,9% vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân, 947 HS (chiếm 59,9%) cho rằng không liên quan. Không sự khác biệt về giới tính ở hành vi đi bắt nạt truyền thống và bị bắt nạt truyền thống; HS THPT có xu hướng đi bắt nạt truyền thống nhiều hơn HS THCS. Đối với bắt nạt trực tuyến, có 1,2% HS tự báo cáo thủ phạm, 25,5% là nạn nhân và 5,9% HS vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân, 1066 HS (chiếm 76,4%) cho rằng không liên quan. HS nam có hành vi đi bắt nạt cao hơn HS nữ. Tuy nhiên, không sự khác biệt về giới tính ở hành vi bị bắt nạt trực tuyến. HS THCS có xu hướng bị bắt nạt trực tuyến nhiều hơn HS THPT, HS THPT có xu hướng đi bắt nạt trực tuyến nhiều hơn HS THCS. Kết quả nghiên cứu đã góp phần bổ sung thêm dữ liệu thực tế về nghiên cứu bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến ở HS trung học.

1. GIỚI THIỆU

Bắt nạt được xem một vấn đề sức khỏe cộng đồng toàn cầu với những tác động tiêu cực nghiêm trọng đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần (Nguyễn và cộng sự, 2024; Neupane và cộng sự, 2020) và vấn đề này diễn ra phổ biến ở thanh thiếu niên (Radford và cộng sự, 2013; Sahli và cộng sự, 2018). Bắt nạt được định nghĩa là hành vi cố ý, có hại, lặp đi lặp lại, và phản ánh một sự lạm dụng quyền lực. Hành vi bắt nạt có thể là về thể xác (đánh, đá, đẩy), bằng lời nói (trêu chọc, đe dọa), hoặc thông qua mối quan hệ (tây chay, làm tổn thương tình bạn, lan truyền tin đồn) (Bauman, 2007). Theo Campfield (2008), bắt nạt được chia làm hai loại là bắt nạt trực tiếp và bắt nạt trực tuyến. Bắt nạt trực tiếp còn được gọi là bắt nạt truyền thống được thực hiện dưới nhiều hình thức, bao gồm cả hành vi gây hấn trực tiếp về thể chất như đánh, đá, đẩy hoặc kiềm chế và hành vi gây hấn trực tiếp bằng lời nói như gọi tên, trêu chọc, chế giễu hoặc đe dọa. Mặc dù định nghĩa nhấn mạnh rằng hành vi này lặp lại theo thời gian, một số nhà nghiên cứu cho rằng ngay cả một sự cố gây hấn nghiêm trọng một lần cũng có thể được coi là quấy rối hoặc bắt nạt nghiêm trọng và có thể gây rối loạn về mặt cảm xúc cho nạn nhân (Arora, 1996; Smith và Levan, 1995). Bắt nạt trực tuyến hay còn gọi là bắt nạt trên internet được hiểu là những kẻ bắt nạt gây ra sự đau khổ, dẫn vật cho nạn nhân trên không gian mạng bằng nhiều hình thức công nghệ khác nhau như email, tin nhắn, phòng trò chuyện và trang web. Nhắn tin

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Bé

Địa chỉ e-mail: ntngocbe@hueuni.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.023.2025>

qua điện thoại di động và camera điện thoại cũng đã trở thành phương tiện mới để bắt nạt (Campbell, 2005). Trong một báo cáo năm 2018 của UNICEF, hơn một phần ba HS từ 13 đến 15 tuổi trên toàn thế giới cho biết họ đã từng trải qua các hình thức bắt nạt khác nhau (UNICEF, 2018). Trong một nghiên cứu mới hơn về tỷ lệ bắt nạt tại 83 quốc gia, dữ liệu tổng quan qua các nghiên cứu thu thập được trên 317,869 trẻ vị thành niên từ 12 – 17 tuổi cho thấy tỷ lệ nạn nhân của bắt nạt trong một hoặc nhiều ngày trong 30 ngày qua là 30,5%. Tỷ lệ cao nhất được quan sát thấy ở Khu vực Đông Địa Trung Hải và Châu Phi, thấp nhất ở Châu Âu. Các nước thuộc nhóm có thu nhập cao có tỷ lệ thấp nhất, so với các nước có thu nhập thấp và trung bình (Biswas và cộng sự, 2020). Trong một cuộc khảo sát liên quan đến 40 quốc gia đang phát triển, kết quả cho thấy trung bình 42% bé trai và 37% bé gái đã từng hoặc đang bị bắt nạt (WHO, 2023). Smith và cộng sự (2023) đã thực hiện nghiên cứu về xu hướng bắt nạt ở thanh thiếu niên từ 12 – 15 tuổi tại 29 quốc gia đã cho thấy tỷ lệ trung bình nạn nhân của bắt nạt trong tất cả các cuộc khảo sát là 39,4%. Có sự khác biệt lớn về xu hướng trở thành nạn nhân của bắt nạt giữa các quốc gia với xu hướng tăng và giảm lần lượt được quan sát thấy ở 6 và 13 quốc gia. Myanmar, Ai Cập và Philippines có mức tăng mạnh nhất. Mức giảm ở hầu hết các nước đều ở mức khiêm tốn. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu về hậu quả của bắt nạt đối với trẻ vị thành niên đã được thực hiện và cho thấy tác động tiêu cực của việc tham gia vào bắt nạt lên nhiều khía cạnh như học tập (kết quả học tập giảm, vắng mặt ở trường do sợ hãi, bỏ học, v.v.), sức khỏe thể chất (các vết thương, vết bầm, trầy xước, đau đầu, đau bụng, lưng, v.v.), sức khỏe tâm thần, hay các vấn đề tâm lý (cảm thấy lo lắng, cảm thấy bản thân kém cỏi, khó ngủ, cô đơn, tuyệt vọng, v.v.) v.v (Neupane và cộng sự, 2020), thậm chí là có suy nghĩ và hành vi thực hiện tự sát (Bao và cộng sự, 2023).

Tại Việt Nam, trong thời gian gần đây đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về thực trạng bắt nạt truyền thông và bắt nạt trực tuyến ở trẻ vị thành niên, cụ thể, nghiên cứu của Trần Văn Công (2018) thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi trên 1040 HS tại 4 trường THCS và THPT ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có 75,7% HS tham gia vào bắt nạt truyền thông và 32,5% HS tham gia vào bắt nạt trực tuyến ở các mức độ khác nhau, từ 1 – 2 lần trong năm học cho đến hàng ngày, với các vai trò khác nhau như thủ phạm, nạn nhân và vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân. Nghiên cứu của Trần Văn Công và cộng sự (2019) thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi trên 1087 HS THCS và THPT tại Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa và Đà Nẵng cho thấy có 51,6% HS từng bị bắt nạt trực tuyến, bị bắt nạt truyền thông hoặc bị bắt nạt bởi cả hai hình thức này. Theo đó, tỷ lệ HS bị bắt nạt bởi cả 2 hình thức là 22,8%. Tại Đà Nẵng, nghiên cứu của Hoàng Thế Hải và cộng sự (2020) trên 420 HS THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho thấy HS bị bắt nạt trực tiếp bằng lời nói là chiếm tỷ lệ nhiều nhất, hình thức thứ hai là xâm phạm tài sản, hình thức thứ ba là bắt nạt mối quan hệ, tiếp theo là bắt nạt thân thể và cuối cùng là hình thức bắt nạt trực tuyến. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Bé và cộng sự (2023) trên 600 HS của 3 trường THPT thành phố Huế đã cho thấy có 46,9 HS tham gia bắt nạt trực tuyến với vai trò khác nhau, trong đó 5% là nạn nhân, 12,8% là thủ phạm và 29,1 vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân. Thực trạng trên cho thấy vấn đề bắt nạt ở trẻ vị thành niên, cụ thể là lứa tuổi HS trung học đáng báo động. Tuy nhiên, trong phạm vi tìm kiếm của chúng tôi, tại Việt Nam có rất ít công trình nghiên cứu kết hợp cả bắt nạt truyền thông và trực tuyến ở HS trung học mà chủ yếu dừng lại ở các nghiên cứu riêng lẻ. Do đó, việc phân tích thực trạng bắt nạt ở HS trung ở cả phương diện bắt nạt truyền thông và bắt nạt trực tuyến và ở các vai trò khác nhau như thủ phạm, nạn nhân, vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Nghiên cứu này sẽ góp phần bổ sung thêm dữ liệu thực tế về hành vi bắt nạt ở HS trung học

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mẫu nghiên cứu

Để mẫu nghiên cứu mang tính chất đặc trưng và đại diện, chúng tôi chọn HS từ lớp 8 đến lớp 12 của 23 trường THCS và THPT của tỉnh Thừa Thiên Huế, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nội, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Thời gian khảo sát là tháng 5 và tháng 8 năm 2023. Số lượng mẫu dự kiến khảo sát thực trạng bắt nạt truyền thông và bắt nạt trực tuyến ở HS trung học được tính theo công thức không biết quy mô tổng thể (Yamane, 1967). Theo công thức của Yamane (1967), với tỷ lệ sai số cho phép là 5%, cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu của chúng tôi là từ 385 trở lên. Cuối cùng, có 1582 bảng câu hỏi hợp lệ với tỷ lệ là 95,87%. Khách thể trong mẫu nghiên cứu có tuổi trung bình là 15,18 (độ lệch chuẩn = 1,705); có 887 HS nữ (chiếm 56,1%) và 695 HS nam (chiếm 43,9%); Theo khối lớp, có 419 HS lớp 8, 283 HS lớp 9, 396 HS lớp 10, 219 HS lớp 11 và 265 HS lớp 12 tham gia vào nghiên cứu.

2.2. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi đã được phê duyệt bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế và đã nhận được sự đồng ý của Ban giám hiệu ở các trường THCS và THPT tham gia khảo sát. Tất cả HS được mời tham gia

nghiên cứu đều đã đồng ý tham gia trả lời bảng hỏi. Dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn, cuộc khảo sát được thực hiện ngay tại lớp học. Tất cả HS không đồng ý thực hiện khảo sát có thể rời khỏi lớp học và đến thư viện để học tập cá nhân. Trước khi HS trả lời bảng câu hỏi, chúng tôi nhắc lại thông tin của nghiên cứu, lợi ích và rủi ro khi tham gia cũng như cam kết giữ bí mật thông tin cá nhân và câu trả lời của họ.

2.3. Công cụ nghiên cứu

Thang đo thủ phạm và nạn nhân bắt nạt trực tuyến (The Cyberbullying and Victimization Questionnaire): Bảng câu hỏi về nạn bắt nạt và nạn nhân trên mạng được phát triển bởi Campfield (2008). Thang đo bao gồm 54 mục đánh giá mức độ tham gia của thanh thiếu niên vào các hành vi bắt nạt như nạn nhân bắt nạt truyền thống, thủ phạm bắt nạt truyền thống, nạn nhân bắt nạt trực tuyến và thủ phạm bắt nạt trực tuyến. Mỗi mục yêu cầu người tham gia trả lời ba câu hỏi như (Câu hỏi 1) có hoặc không; (Câu hỏi 2) bao nhiêu lần (1 = 1 – 2 lần; 2 = 1 lần/tuần; 3 = Vài lần/tuần; 4 = Gần như hàng ngày; 5 = Hàng ngày) và (Câu hỏi 3) mức độ làm phiền (1 = Không làm phiền; 2 = Làm phiền một chút; 3 = Làm phiền rất nhiều) (Campfield, 2008). Thang đo thủ phạm và nạn nhân bắt nạt trực tuyến đã được tác giả Trần Văn Công (2018) thích nghi ở Việt Nam trên trẻ vị thành niên. Thang đo phiên bản tiếng Việt chỉ còn 43 mục, được chia thành 2 nhóm nhân tố: đi bắt nạt gồm 23 mục (bao gồm đi bắt nạt truyền thống và đi bắt nạt trực tuyến); nạn nhân bắt nạt gồm 20 mục (bao gồm nạn nhân bắt nạt trực tuyến và nạn nhân bắt nạt truyền thống). Trong nghiên cứu này, hệ số tin cậy của từng nhân tố cao, cụ thể đi bắt nạt truyền thống ($\alpha = 0,97$), đi bắt nạt trực tuyến ($\alpha = 0,98$); trong thang đo nạn nhân bắt nạt lần lượt là: bị bắt nạt trực tuyến ($\alpha = 0,99$), bị bắt nạt truyền thống ($\alpha = 0,97$), điều này cho thấy thang đo hoàn toàn có thể sử dụng để thực trạng bắt nạt truyền thống và bắt nạt truyền thống trực tuyến ở HS trung học.

2.4. Xử lý thống kê

Phần mềm SPSS 25.0 được sử dụng để xử lý số liệu bao gồm phân tích thống kê mô tả (tần suất, điểm trung bình, độ lệch chuẩn) và thống kê suy luận (Independent T-test, One-Way ANOVA).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng hành vi bắt nạt truyền thống và trực tuyến ở học sinh trung học dưới lát cắt tổng quát

Bảng 1. Tỷ lệ HS trung học tham gia vào bắt nạt truyền thống và trực tuyến

		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bắt nạt truyền thống	Chỉ là thủ phạm	49	3,1
	Chỉ là nạn nhân	335	21,2
	Vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân	251	15,9
	Không liên quan	947	59,9
Bắt nạt trực tuyến	Chỉ là thủ phạm	19	1,2
	Chỉ là nạn nhân	403	25,5
	Vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân	94	5,9
	Không liên quan	1066	67,4
Tổng		1582	100,0

Dữ liệu nghiên cứu ở bảng 3.3 cho thấy, đối với bắt nạt truyền thống: có 19 HS (chiếm 1,2%) cho rằng mình là thủ phạm của bắt nạt truyền thống, 335 HS (chiếm 21,2%) cho rằng mình là nạn nhân; 251 HS (chiếm 15,9%) vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân; 947 HS (chiếm 59,9%) cho rằng không liên quan. Đối với bắt nạt trực tuyến, có 19 HS (chiếm 1,2%) cho rằng mình là thủ phạm của bắt nạt trực tuyến, 403 HS (chiếm 24,5%) cho rằng mình là nạn nhân; 94 HS (chiếm 5,9%) vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân; 1066 HS (chiếm 76,4%) cho rằng không liên quan.

3.2. Thực trạng biểu hiện hành vi bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học

3.2.1. Bắt nạt truyền thống

Bảng 2. Thực trạng biểu hiện hành vi bắt nạt truyền thống ở HS trung học

TT	Nhận định	ĐTB	ĐLC
Biểu hiện hành vi đi bắt nạt truyền thống			
1	Em làm hỏng hoặc phá đồ dùng của người khác	0,33	0,61
2	Em lan truyền tin đồn về người khác	0,25	0,70
3	Em hành động như thể em chuẩn bị đánh hoặc làm đau ai đó	0,32	0,77
4	Em ném đồ đạc vào người khác	0,21	0,61
5	Em đã nói những điều xúc phạm người khác (ví dụ như làm tổn thương hoặc khiến họ bị xấu hổ)	0,30	0,68
6	Em dùng điện thoại chụp ảnh bạn khác mà không xin phép	0,40	0,90
7	Em gọi tên biệt danh xấu của bạn khác ở trường	0,30	0,85
8	Em đã đánh hoặc làm đau bạn khác	0,29	0,72
9	Em giữ im lặng (từ chối nói chuyện) với bạn khác ở trường	0,45	1,00
10	Em cười nhạo người khác	0,35	0,84
Trung bình chung		0,32	0,44
Biểu hiện hành vi bị bắt nạt truyền thống			
1	Bạn khác phá hỏng đồ dùng của em	0,51	0,81
2	Bạn khác nói những điều xúc phạm em	0,81	1,24
3	Bạn khác gọi em bằng biệt danh xấu	0,67	1,27
4	Bạn khác gửi thư điện tử hoặc tin nhắn gây tổn thương cho em	0,27	0,75
5	Bạn khác dùng điện thoại chụp ảnh em mà không xin phép	0,77	1,20
6	Bạn khác cười nhạo em	0,65	1,14
7	Bạn khác ăn trộm hoặc lấy đồ của em	0,43	1,89
8	Bạn khác im lặng không nói chuyện với em	0,49	1,01
9	Bạn khác nói điều gì đó để “dìm hàng” hoặc làm em xấu hổ trên Internet	0,27	0,73
10	Bạn khác tung tin đồn về em ở trường	0,29	0,78
11	Bạn khác đánh hoặc làm em đau	0,34	0,85
12	Bạn khác ném đồ vào người em	0,26	0,65
Trung bình chung		0,48	0,59

Chú thích. ĐTB: Điểm trung bình ($0 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả nghiên cứu ở bảng 2 cho thấy: Đối với hành vi đi bắt nạt truyền thống, hành vi “Em giữ im lặng (từ chối nói chuyện) với bạn khác ở trường” là hành vi có ĐTB cao nhất (ĐTB=0,45). Hành vi đứng vị trí thứ hai là “Em dùng điện thoại chụp ảnh bạn khác mà không xin phép” (ĐTB=0,40). Hành vi bắt nạt truyền thống ít được sử dụng nhất là “Em lan truyền tin đồn về người khác” (ĐTB=0,25) và “Em ném đồ đạc vào người khác” (ĐTB=0,21). Đối với hành vi bị bắt nạt truyền thống, hành vi “Bạn khác nói những điều xúc phạm em” chiếm tỉ lệ cao nhất (ĐTB=0,81) và hành vi “Bạn khác dùng điện thoại chụp ảnh em mà không xin phép” chiếm tỉ lệ cao thứ hai (ĐTB=0,77). Hành vi bị bắt nạt truyền thống ít được sử dụng nhất là “Bạn khác ném đồ vào người em” (ĐTB=0,26) và hai hành vi “Bạn khác gửi thư điện tử hoặc tin nhắn gây tổn thương cho em” và “Bạn khác nói điều gì đó để “dìm hàng” hoặc làm em xấu hổ trên Internet” (ĐTB=0,27).

3.2.2. Bắt nạt trực tuyến

Bảng 3. Thực trạng biểu hiện hành vi bắt nạt trực tuyến ở HS trung học

TT	Nhận định	ĐTB	ĐLC
Biểu hiện hành vi đi bắt nạt trực tuyến			
1	Em loại bạn nào đó ra khỏi hoạt động của em và các bạn khác trên mạng internet (ví dụ chơi trò chơi trực tuyến)	0,20	0,64
2	<i>Em nói về tình dục và gây khó chịu cho người khác qua internet</i>	0,07	0,42
3	<i>Em làm một trang web trên internet (hoặc trang, nhóm trên facebook, trang blog) để nói về điểm xấu của một người nào đó, cười nhạo họ hoặc bịa đặt tin đồn về họ</i>	0,07	0,34
4	<i>Em gửi cho người khác tin nhắn đe dọa bằng điện thoại</i>	0,09	0,44
5	Em nói điều xấu hoặc gây tổn thương cho người khác trên mạng xã hội (ví dụ facebook, Zalo...)	0,13	0,47
6	<i>Em nói dối hoặc tung tin đồn về ai đó thông qua internet</i>	0,10	0,45
7	<i>Em nói dối hoặc tung tin đồn về ai đó thông qua tin nhắn điện thoại</i>	0,09	0,41
8	Em nói điều gì đó trên internet để hạ bệ hoặc làm người đó xấu hổ	0,12	0,50
9	<i>Em dọa đánh hoặc làm đau ai đó qua internet</i>	0,09	0,44
10	<i>Em gửi thư điện tử hoặc tin nhắn đe dọa người khác trên internet</i>	0,06	0,35
Trung bình chung		0,10	0,29
Biểu hiện hành vi bị bắt nạt trực tuyến			
1	<i>Bạn khác tạo ra website (trang web, blog, trang facebook) để chế nhạo hoặc tung tin đồn về em</i>	0,11	0,80
2	<i>Bạn khác nói về tình dục và gây khó chịu cho em qua internet</i>	0,26	1,33
3	Bạn khác cho người nào đó xem thư điện tử hoặc tin nhắn em gửi trên internet mà đáng nhẽ phải giữ bí mật	0,29	0,55
4	<i>Bạn khác đe dọa đánh hoặc làm em đau thông qua internet</i>	0,14	0,91
5	<i>Bạn khác gửi em thư điện tử hoặc tin nhắn đe dọa trên internet</i>	0,12	0,75
6	<i>Bạn khác nói dối hoặc bịa đặt tin đồn về em trên internet</i>	0,25	0,73
7	<i>Bạn khác nói những điều xấu, điều khiến em tổn thương trên mạng xã hội (facebook, Zalo...)</i>	0,24	0,62
8	<i>Bạn khác né tránh hoặc loại trừ em ra khỏi hoạt động trên internet (ví dụ như trong trò chơi trực tuyến)</i>	0,19	0,55
9	<i>Bạn khác nói dối hoặc bịa đặt tin đồn về em thông qua tin nhắn điện thoại</i>	0,19	0,79
10	<i>Bạn khác gửi cho em những tin nhắn đe dọa</i>	0,12	0,76
11	Bạn khác giữ im lặng với em trên internet (ví dụ như lảng tránh, né tránh chat, block trên mạng xã hội)	0,31	0,65
Trung bình chung		0,20	0,41

Dữ liệu nghiên cứu về biểu hiện hành vi đi bắt nạt trực tuyến và bị bắt nạt trực tuyến ở bảng 3 cho thấy: Đối với hành vi đi bắt nạt trực tuyến, hành vi “*Em loại bạn nào đó ra khỏi hoạt động của em và các bạn khác trên mạng internet (ví dụ chơi trò chơi trực tuyến)*” là hành vi có ĐTB cao nhất (ĐTB=0,20). Hành vi đứng vị trí thứ hai là “*Em nói điều xấu hoặc gây tổn thương cho người khác trên mạng xã hội (ví dụ facebook, Zalo...)*” (ĐTB=0,13). Hành vi bắt nạt truyền thống ít được sử dụng nhất là “*Em làm một trang web trên internet (hoặc trang, nhóm trên facebook, trang blog) để nói về điểm xấu của một người nào đó, cười nhạo họ hoặc bịa đặt tin đồn về họ*” và “*Em nói về tình dục và gây khó chịu cho người khác qua internet*” (ĐTB=0,07) và “*Em gửi thư điện tử hoặc tin nhắn đe dọa người khác trên internet*” (ĐTB=0,06). Đối với hành vi bị bắt nạt trực tuyến, hành vi “*Bạn khác giữ im lặng với em trên internet (ví dụ như lảng tránh, né tránh chat, block trên mạng xã hội)*” chiếm tỉ lệ cao nhất (ĐTB=0,31) và hành vi “*Bạn khác dùng điện thoại chụp ảnh em mà không xin phép*” chiếm tỉ lệ cao thứ hai (ĐTB=0,77). Hành vi bị bắt nạt truyền thống ít được sử dụng nhất là “*Bạn khác tạo ra website (trang web, blog, trang facebook) để chế nhạo hoặc tung tin đồn về em*” (ĐTB=0,11) và hai hành vi “*Bạn khác gửi cho em những tin nhắn đe dọa*” và “*Bạn khác gửi em thư điện tử hoặc tin nhắn đe dọa trên internet*” (ĐTB=0,12).

3.3. Thực trạng hành vi bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến dưới lát cắt giới tính và cấp học

3.3.1. Bắt nạt truyền thống

Bảng 4. Thực trạng hành vi đi/bị bắt nạt truyền thống dưới lát cắt giới tính, cấp học

		Hành vi đi bắt nạt truyền thống				Hành vi bị bắt nạt truyền thống			
		ĐTB	ĐLC	$t(2, 1580)$	p	ĐTB	ĐLC	$t(2, 1580)$	p
Giới tính	Nam	0,33	0,44	-0,70	0,485	0,50	0,63	-1,37	0,170
	Nữ	0,31	0,43			0,46	0,55		
Cấp học	THCS	0,28	0,42	-3,02	0,003	0,45	0,57	-1,61	0,107

Kết quả kiểm định T-Test ở bảng 4 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS nam (ĐTB=0,33) và HS nữ (ĐTB=0,31), $p>0,05$ về mức độ hành vi đi bắt nạt truyền thống. Tương tự, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS nam (ĐTB=0,50) và HS nữ (ĐTB=0,55), $p>0,05$ về mức độ hành vi bị bắt nạt truyền thống. Xét theo lát cắt cấp học, HS THPT (ĐTB=0,35) có hành vi đi bắt nạt nhiều hơn HS THCS (ĐTB=0,28), $p<0,01$. Tuy nhiên, không có sự khác biệt về hành vi bị bắt nạt truyền thống giữa HS THCS (ĐTB = 0,45) và HS THPT (ĐTB = 0,50), $p>0,05$.

3.3.2. Bắt nạt trực tuyến

Bảng 5. Thực trạng hành vi đi bắt nạt/ bị bắt nạt trực tuyến dưới lát cắt giới tính, cấp học

		Hành vi đi bắt nạt trực tuyến				Hành vi bị bắt nạt trực tuyến			
		ĐTB	ĐLC	$t(2, 1580)$	p	ĐTB	ĐLC	$t(2, 1580)$	p
Giới tính	Nam	0,13	0,34	3,45	0,001	0,20	0,43	-0,15	0,885
	Nữ	0,08	0,23			0,20	0,39		
Cấp học	THCS	0,07	0,26	-4,04	<0,001	0,15	0,36	-4,51	<0,001

Chú thích. ĐTB: Điểm trung bình ($0 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn.

Kết quả kiểm định T-Test ở bảng 6 cho thấy HS nam (ĐTB=0,13) có hành vi đi bắt nạt trực tuyến cao hơn HS nữ (ĐTB=0,08); $p=0,001$. Tuy nhiên, ở hành vi bị bắt nạt trực tuyến (nạn nhân) không có sự khác biệt giữa HS nam (ĐTB=0,20) và HS nữ (ĐTB=0,20), $p>0,05$. Ở lát cắt cấp học, kết quả kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS THCS và HS THPT về hành vi đi trực tuyến, trong đó, HS THPT (ĐTB=0,13) có hành vi đi bắt nạt cao hơn HS THCS (ĐTB=0,07), $p<0,001$. Tương tự, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS THCS và HS THPT về hành vi bị bắt nạt trực tuyến, trong đó, HS THPT (ĐTB=0,24) có hành vi bị bắt nạt cao hơn HS THCS (ĐTB=0,15), $p<0,001$.

4. THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu về tỷ lệ HS trung học tham gia vào bắt nạt truyền thống và trực tuyến cho thấy hành vi đi/bị bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến khá phổ biến, trong đó HS có xu hướng bị bắt nạt trực tuyến nhiều hơn. Điều này có thể lý giải trong những năm gần đây, việc sử dụng internet và mạng xã hội ngày càng phổ biến, đặc biệt là ở thanh thiếu niên, do đó dẫn đến việc gia tăng nguy cơ bị bắt nạt trực tuyến (Notar và cộng sự, 2013) và HS dành nhiều thời gian online hơn và tiếp xúc nhiều hơn với môi trường bắt nạt trực tuyến (Santos và cộng sự, 2021). Bên cạnh đó, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến khác cho phép người dùng ẩn danh hoặc sử dụng tên giả. Điều này khiến kẻ bắt nạt dễ dàng thực hiện hành vi bắt nạt mà không sợ bị phát hiện hoặc trừng phạt (Patchin và Hinduja, 2013) và nạn nhân thường khó xác định danh tính kẻ bắt nạt trực tuyến, dẫn đến việc khó tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ (Santos và cộng sự, 2021). Ngoài ra, thông tin và hình ảnh có thể được chia sẻ nhanh chóng và dễ dàng trên mạng xã hội, khiến cho bắt nạt trực tuyến có thể lan truyền rộng rãi và ảnh hưởng đến nhiều người (Notar và cộng sự, 2013; Patchin và Hinduja, 2013). Patchin và Hinduja (2013) cũng cho rằng việc kiểm soát nội dung trên mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến là một thách thức lớn. Do đó, bắt nạt trực tuyến thường khó được ngăn chặn và xử lý hiệu quả.

Về biểu hiện hành vi đi bắt nạt và bị bắt nạt truyền thống, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hành vi đi bắt nạt truyền thống phổ biến nhất là “*Em giữ im lặng (từ chối nói chuyện) với bạn khác ở trường*” và “*Em dùng điện thoại chụp ảnh bạn khác mà không xin phép*”. Hai hành vi trên đều thuộc loại hình bắt nạt xã hội, tập trung vào việc cô lập, làm nhục và gây tổn thương về mặt tinh thần cho nạn nhân. Loại hình bắt nạt này phổ biến hơn các hình thức bắt nạt khác vì dễ thực hiện và khó bị phát hiện (Nickerson, 2019). Cả hai hành vi này đều dễ dàng thực hiện và không đòi hỏi nhiều nỗ lực từ phía kẻ bắt nạt. HS có thể thực hiện những hành vi này bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào mà không cần chuẩn bị nhiều. Cả hai hành vi đều có thể gây tổn thương về mặt tinh thần cho nạn nhân. Việc bị cô lập và làm nhục có thể khiến nạn nhân cảm thấy xấu hổ, lo lắng và cô đơn (Nickerson, 2019). Ngoài ra, việc sử dụng điện thoại chụp ảnh bạn khác mà không xin phép có thể được thực hiện một cách ẩn danh, khiến kẻ bắt nạt dễ dàng thực hiện hành vi và giảm thiểu nguy cơ bị phát hiện. Sử dụng điện thoại thông minh phổ biến ở HS sẽ tạo điều kiện cho việc chụp ảnh bạn khác mà không xin phép dễ dàng hơn, việc bị chụp ảnh mà không xin phép có thể xâm phạm quyền riêng tư của nạn nhân và khiến họ cảm thấy bị bề mặt, lo lắng (Hinduja và Patchin, 2018). Hai hành vi “*Em lan truyền tin đồn về người khác*” và “*Em ném đồ đạc vào người khác*” ít được sử dụng nhất, điều này có thể là do sự phát triển của công nghệ và sự phổ biến rộng rãi của mạng xã hội, giúp việc bắt nạt trực tuyến trở nên dễ dàng và ẩn danh hơn. Hai hình thức bắt nạt truyền thống phổ biến nhất là “*Bạn khác nói những điều xúc phạm em*” và “*Bạn khác dùng điện thoại chụp ảnh em mà không xin phép*”, điều này có thể do nói những điều xúc phạm là hành vi dễ thực hiện nhất vì không đòi hỏi nhiều nỗ lực hay sự chuẩn bị. Kẻ bắt nạt có thể xúc phạm bằng lời nói trực tiếp, thì thầm hoặc qua tin nhắn. Những lời nói xúc phạm có thể gây tổn thương tinh thần nghiêm trọng cho nạn nhân, khiến họ cảm thấy xấu hổ, tự ti và lo lắng. Mặt khác, với sự phát triển của công nghệ hiện nay, việc chụp ảnh/quay phim trở nên phổ biến và được thực hiện dễ dàng. Kẻ bắt nạt có thể sử dụng điện thoại để chụp ảnh/quay phim nạn nhân mà không cần sự đồng ý của họ, những hình ảnh/video này có thể được sử dụng để đe dọa, tống tiền hoặc lan truyền trên mạng xã hội, gây ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống của nạn nhân (Smith và cộng sự, 2023).

Xét theo giới tính, kết quả nghiên cứu cho thấy, không có sự khác biệt về hành vi đi bắt nạt và bị bắt nạt truyền thống giữa nam và nữ. Kết quả này có sự tương đồng với một số nghiên cứu trên thế giới (Bouffard và Koeppel, 2017; Carlyle và Steinman, 2007). Những phát hiện này cho thấy các hành vi bắt nạt truyền thống phổ biến như nhau ở cả nam và nữ. Do đó cần nỗ lực phòng ngừa và can thiệp để giải quyết vấn đề bắt nạt ở tất cả các giới tính và cũng cần có nhiều nghiên cứu hơn để khám phá sự khác biệt giới tính về hành vi đi và bị bắt nạt truyền thống. Đối với hành vi đi bắt nạt trực tuyến, nam giới có xu hướng đi bắt nạt trực tuyến cao hơn nữ giới vì nam giới thường có xu hướng hung hăng hơn nữ giới, thể hiện qua các hành vi như đánh nhau, chửi bới, đe dọa (Archer, 2004; Söderberg và Björkqvist, 2020). Xu hướng hung hăng này có thể xuất phát từ yếu tố sinh học (hormone testosterone) và xã hội (văn hóa, giáo dục) (Söderberg và Björkqvist, 2020). Trong môi trường trực tuyến, sự thiếu tương tác trực tiếp có thể khiến nam giới dễ dàng thể hiện hành vi hung hăng hơn (Tokunaga, 2010). Bên cạnh đó, nhu cầu khẳng định bản thân, thể hiện bản lĩnh là một yếu tố quan trọng trong tâm lý nam giới, đặc biệt là ở lứa tuổi trung học (Crick và Dodge, 1994). Bắt nạt trực tuyến có thể được xem như một cách để nam giới khẳng định bản thân, thể hiện sức mạnh và vị trí trong nhóm (Kowalski và cộng sự, 2014). Mặt khác, nữ giới thường có khả năng kiểm soát cảm xúc tốt hơn nam giới (Cole và cộng sự, 2016). Điều này có thể giúp nữ giới ít có xu hướng bộc phát hành vi hung hăng, xúc phạm người khác trong môi trường trực tuyến (Okumu và cộng sự, 2020). Tuy nhiên, không có sự khác biệt giữa nam và nữ về hành vi bị bắt nạt trực tuyến (nạn nhân). Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trên thế giới (Feijóo và cộng sự, 2021; Fryling và cộng sự, 2015; Hinduja và Patchin, 2014; Tokunaga, 2010). Tuy nhiên, nghiên cứu tổng quan của Gustafsson (2017) về tình trạng bắt nạt trực tuyến ở châu Âu lại cho thấy nữ có xu hướng cao hơn nam về việc bị bắt nạt trực tuyến. Các bé gái có thể dễ trở thành nạn nhân của bắt nạt trên mạng hơn vì các em có khuynh hướng bắt nạt người khác trên mạng (Navarro và Jasinski, 2013). Mặt khác, nữ giới có thể có xu hướng im lặng và chịu đựng khi bị bắt nạt trực tuyến hơn nam (Okumu và cộng sự, 2020). Điều này có thể gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo để lý giải và làm rõ hơn mối liên hệ giữa nạn nhân bắt nạt trực tuyến và giới tính.

Xét theo cấp học, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các cấp học ở hành vi đi bắt nạt truyền thống. Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu Obregón-Cuesta và cộng sự (2022). Nghiên cứu của Obregón-Cuesta và cộng sự (2022) được thực hiện trên 2.443 HS từ 12 đến 18 tuổi tại Tây Ban Nha đã cho thấy tỷ lệ HS THPT tham gia hành vi bắt nạt truyền thống cao hơn đáng kể so với HS THCS, trong đó, tỷ lệ HS THPT tham gia hành vi bắt nạt truyền thống là 19,2% và tỷ lệ HS THCS tham gia hành vi bắt nạt truyền thống là 11,8%. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt về cấp học ở hành vi bị bắt nạt truyền thống. Nghiên cứu của chúng tôi không có sự tương đồng với một số nghiên cứu trước đây (Isernhagen và Harris, 2018; Salmon và cộng sự, 2018). Ở lứa tuổi vị thành niên, đối với nhóm nạn nhân, nghiên cứu trước

đây cho thấy trẻ 15 tuổi trở lên có tỷ lệ bị bắt nạt ít hơn so với trẻ nhỏ hơn 14 tuổi (Aboagye và cộng sự, 2021). Nghiên cứu của Isernhagen và Harris (2018) đã cho thấy HS THPT từng bị bắt nạt truyền thống thường xuyên hơn HS THCS, cụ thể 63,8% HS THPT cho biết từng bị bắt nạt ít nhất một lần trong năm qua, so với 54,6% HS THCS. Nghiên cứu của Salmon và cộng sự (2018) cũng cho thấy tỷ lệ nạn nhân bị bắt nạt truyền thống cao hơn ở lớp 8 đến lớp 12 so với lớp 7. Một nghiên cứu khác cũng cho thấy trên toàn cầu, tỷ lệ học sinh cho biết bị bắt nạt giảm theo độ tuổi, từ 33.0% ở độ tuổi 13 xuống 32.3% ở độ tuổi 14 đến 30.4% ở độ tuổi 15. Xu hướng này cũng giống nhau ở Châu Âu và Bắc Mỹ, nơi học sinh 15 tuổi ít bị bắt nạt hơn so với học sinh 13 tuổi và 11 tuổi (UNESCO, 2018). Trong khi đó, một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa lớp học và trải nghiệm bị bắt nạt truyền thống, bao gồm bắt nạt về thể chất, lời nói và quan hệ đã chỉ ra rằng khả năng bị bắt nạt thấp hơn ở các lớp học lớn hơn (Merrill và Hanson, 2016; Napoletano và cộng sự, 2016). Điều này cho thấy sự phát hiện của các nghiên cứu chưa có sự nhất quán, chính vì vậy cần có các nghiên cứu tiếp theo nhằm tìm hiểu sâu hơn nạn nhân bị bắt nạt truyền thống dưới lát cắt khối lớp.

Đối với hành vi đi bắt nạt trực tuyến và hành vi bị bắt nạt trực tuyến, HS THPT có xu hướng đi bắt nạt và bị bắt nạt trực tuyến nhiều hơn HS THCS. Kết quả nghiên cứu này có sự tương đồng với nghiên cứu của Schneider và cộng sự (2012). Nghiên cứu của Schneider và cộng sự (2012) chỉ ra rằng HS THPT có nguy cơ bị bắt nạt trực tuyến cao hơn HS THCS khoảng 54% và có nguy cơ bắt nạt người khác trực tuyến cao hơn HS THCS khoảng 53%. Điều này có thể lý giải HS THPT thường được tiếp cận với các nền tảng công nghệ và truyền thông xã hội nhiều hơn so với HS THCS (Brown và Green, 2010; Chassiakos và Stager, 2020). Sự phát triển của các nền tảng trực tuyến và các ứng dụng nhắn tin ẩn danh tạo điều kiện cho việc bắt nạt trực tuyến diễn ra dễ dàng và ẩn danh hơn. Bên cạnh đó, kỹ năng quản lý cảm xúc và giải quyết vấn đề của HS THCS thường kém hơn HS THPT, điều này có thể khiến các em dễ trở thành mục tiêu của bắt nạt qua mạng hơn. Ngoài ra, HS THPT có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến hình ảnh cá nhân và sự đánh giá của bạn bè, dẫn đến hành vi bắt nạt để khẳng định bản thân hoặc thu hút sự chú ý (Brown và Green, 2010; Chassiakos và Stager, 2020; Rugova, 2021).

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã khảo sát thực trạng HS trung học tham gia vào bắt nạt truyền thống và trực tuyến với vai trò khác nhau (thủ phạm, nạn nhân, vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân) và xem xét thực trạng bắt nạt dưới lát cắt tổng quát và các lát cắt nhân khẩu học. Kết quả nghiên cứu cho thấy HS tham gia bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến với nhiều vai trò khác nhau: chỉ là thủ phạm, chỉ là nạn nhân và vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân, chiếm tỷ lệ khá lớn trong toàn mẫu. HS thực hiện các hành vi khác nhau khi đi bắt nạt truyền thống/trực tuyến, mặt khác, HS cũng là nạn nhân của nhiều hành vi bắt nạt truyền thống/trực tuyến. Không sự khác biệt về giới tính ở hành vi đi bắt nạt truyền thống và bị bắt nạt truyền thống. HS THPT có xu hướng đi bắt nạt nhiều hơn HS THCS. Đối với bắt nạt trực tuyến, có sự khác biệt về giới tính ở hành vi đi bắt nạt trực tuyến, trong đó HS nam có hành vi đi bắt nạt cao hơn HS nữ. Tuy nhiên, không sự khác biệt về giới tính ở hành vi bị bắt nạt trực tuyến. HS THCS có xu hướng bị bắt nạt trực tuyến nhiều hơn HS THPT và HS THPT có xu hướng đi bắt nạt trực tuyến nhiều hơn HS THCS.

Những phát hiện của nghiên cứu này có thể làm cơ sở lý thuyết cho việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bắt nạt ở HS trung học. Mặt khác, nghiên cứu này góp phần làm phong phú thêm lý thuyết về bắt nạt, bao gồm bắt nạt truyền thống và bắt nạt trực tuyến ở HS trung học. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi còn một số hạn chế như dữ liệu thu thập chỉ dựa trên báo cáo tự thuật từ HS và thiết kế nghiên cứu cắt ngang. Do đó, trong tương lai cần có các nghiên cứu trường diễn để xem xét nguyên nhân và các yếu tố tác động đến bắt nạt ở HS; bổ sung thêm dữ liệu nghiên cứu từ cha mẹ HS và giáo viên.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong nhiệm vụ mã số NCM.T23 – 05

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Archer, J. (2004). Sex differences in aggression in real-world settings: A meta-analytic review. In *Review of General Psychology* (Vol. 8, Issue 4, pp. 291–322). <https://doi.org/10.1037/1089-2680.8.4.291>
- Arora, C. M. J. (1996). Defining bullying: Towards a clearer general understanding and more effective intervention strategies. *School Psychology International*, 17(4), 317–329. <https://doi.org/10.1177/0143034396174002>
- Bao, W., Qian, Y., Fei, W., Tian, S., Geng, Y., Wang, S., Pan, C. W., Zhao, C. H., & Zhang, T. (2023). Bullying victimization and suicide attempts among adolescents in 41 low- and middle-income countries: Roles of sleep deprivation and body mass. *Frontiers in Public Health*, 11, 1064731. <https://doi.org/10.3389/fpubh.2023.1064731>
- Bauman, S. (2007). Cyberbullying: a Virtual Menace. *Paper to Be Presented at the National Coalition Against Bullying National Conference, Melbourne, Australia*.

- Biswas, T., Scott, J. G., Munir, K., Thomas, H. J., Huda, M. M., Hasan, M. M., David de Vries, T., Baxter, J., & Mamun, A. A. (2020). Global variation in the prevalence of bullying victimisation amongst adolescents: Role of peer and parental supports. *EClinicalMedicine*, 20, 1–8. <https://doi.org/10.1016/j.eclinm.2020.100276>
- Bouffard, L. A., & Koeppl, M. D. H. (2017). Sex Differences in the Health Risk Behavior Outcomes of Childhood Bullying Victimization. *Victims and Offenders*, 12(4), 549–565. <https://doi.org/10.1080/15564886.2015.1118420>
- Brown, A., & Green, T. (2010). Issues and Trends in Instructional Technology: Growth and Maturation of Web-Based Tools in a Challenging Climate; Social Networks Gain Educators' Attention. In M. Orey, S. Jones, & R. Branch (Eds.), *Educational Media and Technology Yearbook. Educational Media and Technology Yearbook*. Springer, Boston, MA. https://doi.org/10.1007/978-1-4419-1516-0_3
- Campbell, M. A. (2005). Cyber Bullying: An Old Problem in a New Guise? *Australian Journal of Guidance and Counselling*, 15(1), 68–76. <https://doi.org/10.1375/ajgc.15.1.68>
- Campfield, D. C. (2008). *Cyber Bullying and Victimization: Psychosocial Characteristics of Bullies, Victims, and Bully/Victims*. Graduate Student Theses, Dissertations, & Professional Papers. University of Montana.
- Carlyle, K. E., & Steinman, K. J. (2007). Demographic differences in the prevalence, co-occurrence, and correlates of adolescent bullying at school. *Journal of School Health*, 77(9), 623–629. <https://doi.org/10.1111/j.1746-1561.2007.00242.x>
- Chassiakos, Y. (Linda) R., & Stager, M. (2020). Current trends in digital media: How and why teens use technology. In *Technology and Adolescent Health: In Schools and Beyond* (pp. 25–56). <https://doi.org/10.1016/B978-0-12-817319-0.00002-5>
- Cole, D. A., Zelkowitz, R. L., Nick, E., Martin, N. C., Roeder, K. M., Sinclair-McBride, K., & Spinelli, T. (2016). Longitudinal and Incremental Relation of Cybervictimization to Negative Self-Cognitions and Depressive Symptoms in Young Adolescents. *Journal of Abnormal Child Psychology*, 44(7). <https://doi.org/10.1007/s10802-015-0123-7>
- Crick, N. R., & Dodge, K. A. (1994). A review and reformulation of social information-processing mechanisms in children's social adjustment. *Psychological Bulletin*, 115(1), 74–101. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.115.1.74>
- Feijóo, S., O'Higgins-Norman, J., Foody, M., Pichel, R., Braña, T., Varela, J., & Rial, A. (2021). Sex Differences in Adolescent Bullying Behaviours. *Psychosocial Intervention*, 30(2), 95–100. <https://doi.org/10.5093/pi2021a1>
- Fryling, M., Cotler, J. L., Rivituso, J., Mathews, L., & Pratico, S. (2015). Cyberbullying or normal game play? Impact of age, gender, and experience on cyberbullying in multi-player online gaming environments: Perceptions from one gaming forum. *Journal of Information Systems Applied Research*, 8(1), 4–18.
- Gustafsson, E. (2017). *Gender differences in cyberbullying victimization among adolescents in Europe. A systematic review*. Degree project in criminology 30 credits. Malmö University: Faculty of health and society, Department of criminology.
- Hinduja, S., & Patchin, J. (2018). Cyberbullying : Identification, Prevention, & Response. In *Cyberbullying Research Center*. <https://cyberbullying.org/Cyberbullying-Identification-Prevention-Response-2018.pdf>
- Hinduja, S., & Patchin, J. W. (2014). *Bullying beyond the schoolyard: Preventing and responding to cyberbullying*. Corwin press.
- Hoàng Thế Hải, Lê Văn Hiền, & Lê Thị Hiền. (2020). Mối quan hệ giữa bị bắt nạt học đường với mức độ stress tâm lý của học sinh trung học cơ sở ở thành phố Đà Nẵng. *Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ - Đại Học Đà Nẵng*, 18(10), 24–27. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/3199>
- Isernhagen, J., & Harris, S. (2018). A Comparison of Bullying in Four Rural Middle and High Schools. *The Rural Educator*, 25(3), 1–13. <https://doi.org/10.35608/ruraled.v25i3.523>
- Kowalski, R. M., Giumetti, G. W., Schroeder, A. N., & Lattanner, M. R. (2014). Bullying in the digital age: A critical review and meta-analysis of cyberbullying research among youth. *Psychological Bulletin*, 140(4), 1073–1137. <https://doi.org/10.1037/a0035618>
- Merrill, R. M., & Hanson, C. L. (2016). Risk and protective factors associated with being bullied on school property compared with cyberbullied. *BMC Public Health*, 16(1), 1–10. <https://doi.org/10.1186/s12889-016-2833-3>
- Napoletano, A., Elgar, F. J., Saul, G., Dirks, M., & Craig, W. (2016). The View From the Bottom: Relative Deprivation and Bullying Victimization in Canadian Adolescents. *Journal of Interpersonal Violence*, 31(20), 3443–3463. <https://doi.org/10.1177/0886260515585528>
- Navarro, J. N., & Jasinski, J. L. (2013). Why Girls? Using Routine Activities Theory to Predict Cyberbullying Experiences Between Girls and Boys. *Women & Criminal Justice*, 23(4), 286–303. <https://doi.org/10.1080/08974454.2013.784225>
- Neupane, T., Pandey, A. R., Bista, B., & Chalise, B. (2020). Correlates of bullying victimization among school adolescents in Nepal: Findings from 2015 Global School-Based Student Health Survey Nepal. In *PLoS ONE* (Vol. 15, Issue 8). <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0237406>
- Nguyen, T. H., Shah, G. H., Kaur, R., Muzamil, M., Ikhile, O., & Ayangunna, E. (2024). Factors Predicting In-School

- and Electronic Bullying among High School Students in the United States: An Analysis of the 2021 Youth Risk Behavior Surveillance System. *Children (Basel)*, 11(7), 788. <https://doi.org/10.3390/children11070788>
- Nguyễn Thị Ngọc Bé, Thân Thị Thanh Nhân, & Đậu Nguyễn Thanh Bình. (2023). Mối quan hệ giữa bắt nạt trực tuyến và vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông: Một nghiên cứu cắt ngang ở thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Kỷ Yếu Hội Thảo Quốc Tế Tâm Lý Học, Giáo Dục Học Trong Bối Cảnh Biến Đổi Xã Hội. Nhà Xuất Bản Dân Trí*, 695–706.
- Nickerson, A. B. (2019). Preventing and Intervening with Bullying in Schools: A Framework for Evidence-Based Practice. *School Mental Health*, 11(1), 15–28. <https://doi.org/10.1007/s12310-017-9221-8>
- Notar, C. ., Padgett, S., & Roden, J. (2013). Cyberbullying: Resources for Intervention and Prevention. *Universal Journal of Educational Research*, 1(3), 133–145. <https://doi.org/10.13189/ujer.2013.010301>
- Obregón-Cuesta, A. I., Mínguez-Mínguez, L. A., León-del-Barco, B., Mendo-Lázaro, S., Fernández-Solana, J., González-Bernal, J. J., & González-Santos, J. (2022). Bullying in Adolescents: Differences between Gender and School Year and Relationship with Academic Performance. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(15), 1–11. <https://doi.org/10.3390/ijerph19159301>
- Okumu, M., Kim, Y. K., Sanders, J. E., Makubuya, T., Small, E., & Hong, J. S. (2020). Gender-Specific Pathways between Face-to-Face and Cyber Bullying Victimization, Depressive Symptoms, and Academic Performance among U.S. Adolescents. *Child Indicators Research*, 13(6), 2205–2223. <https://doi.org/10.1007/s12187-020-09742-8>
- Patchin, J. W., & Hinduja, S. (2013). *Words Wound: Delete Cyberbullying and Make Kindness Go Viral*. Free Spirit Publishing.
- Radford, L., Corral, S., Bradley, C., & Fisher, H. L. (2013). The prevalence and impact of child maltreatment and other types of victimization in the UK: Findings from a population survey of caregivers, children and young people and young adults. *Child Abuse and Neglect*, 37(10), 801–813. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2013.02.004>
- Rugova, N. (2021). Social networks as an important part of communication in contemporary trends in adolescents, their impact on their personality and psycho-social behavior. *Technium Social Sciences Journal*, 17, 244–258. <https://doi.org/10.47577/tssj.v17i1.2873>
- Sahli, J., Mellouli, M., El Ghardallou, M., Limam, M., Gallas, M., Ammar, A., Mtiraoui, A., Ajmi, T. N., & Zedini, C. (2018). Bullying among tunisian middle school students: The prevalence, psychosocial associated factors and perceived involvement of parents, teachers and classmates. *Journal of Research in Health Sciences*, 18(2), e00414.
- Salmon, S., Turner, S., Taillieu, T., Fortier, J., & Afifi, T. O. (2018). Bullying victimization experiences among middle and high school adolescents: Traditional bullying, discriminatory harassment, and cybervictimization. *Journal of Adolescence*, 63, 29–40. <https://doi.org/10.1016/j.adolescence.2017.12.005>
- Santos, D., Mateos-Pérez, E., Cantero, M., & Gámez-Guadix, M. (2021). Cyberbullying in Adolescents: Resilience as a Protective Factor of Mental Health Outcomes. *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, 24(6), 414–420. <https://doi.org/10.1089/cyber.2020.0337>
- Schneider, S. K., O'donnell, L., Stueve, A., & Coulter, R. W. S. (2012). Cyberbullying, school bullying, and psychological distress: A regional census of high school students. *American Journal of Public Health*, 102(1), 171–177. <https://doi.org/10.2105/AJPH.2011.300308>
- Smith, L., López Sánchez, G. F., Haro, J. M., Alghamdi, A. A., Pizzol, D., Tully, M. A., Oh, H., Gibson, P., Keyes, H., Butler, L., Barnett, Y., Shin, J. Il, & Koyanagi, A. (2023). Temporal Trends in Bullying Victimization Among Adolescents Aged 12–15 Years From 29 Countries: A Global Perspective. *Journal of Adolescent Health*, 73(3), 582–590. <https://doi.org/10.1016/j.jadohealth.2023.04.031>
- Smith, P. K., & Levan, S. (1995). Perceptions and experiences of bullying in younger pupils. *British Journal of Educational Psychology*, 65(4), 489–500. <https://doi.org/10.1111/j.2044-8279.1995.tb01168.x>
- Söderberg, P., & Björkqvist, K. (2020). Victimization from Peer Aggression and/or Bullying: Prevalence, Overlap, and Psychosocial Characteristics. *Journal of Aggression, Maltreatment and Trauma*, 29(2), 131–147. <https://doi.org/10.1080/10926771.2019.1570410>
- Tokunaga, R. S. (2010). Following you home from school: A critical review and synthesis of research on cyberbullying victimization. *Computers in Human Behavior*, 26(3), 277–287. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2009.11.014>
- Trần Văn Công. (2018). Bắt nạt ở học sinh trong thời đại số. *Tạp Chí Tâm Lý Học*, 236(11).
- Trần Văn Công, Nguyễn Phương Hồng Ngọc, Lê Thị Thanh Thủy, & Phạm Ngọc Linh. (2019). Trải nghiệm bị bắt nạt và mối quan hệ của nó với vấn đề hướng nội và vấn đề hướng ngoại ở thanh thiếu niên. *Tạp Chí Tâm Lý Học*, 9(9), 16–28.
- UNESCO. (2018). *School violence and bullying: global status and trends, drivers and consequences*. Truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2024. <https://healtheducationresources.unesco.org/library/documents/school-violence-and-bullying-global-status-and-trends-drivers-and-consequences>
- UNICEF. (2018). *Half of world's teens experience peer violence in and around school – UNICEF*. Truy cập ngày 4 tháng 10 năm 2024. <https://www.unicef.org/press-releases/half-worlds-teens-experience-peer-violence-and-around-school-unicef>

- WHO. (2023). *Youth violence*. Truy cập ngày 4 tháng 10 năm 2024. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/youth-violence>
- Yamane, T. (1967). *Statistics: An Introductory Analysis*, 2nd Ed., New York: Harper and Row. In *An Anthology of Philosophy in Persia, Vol. 3: Philosophical Theology in the Middle Ages and Beyond*.

The prevalence of bullying among middle and high school students: a cross-sectional study

**Nguyen Thi Ngoc Be, Dau Minh Long, Nguyen Thanh Hung, Ho Thi Truc Quynh
Pham Thi Thuy Hang**

University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 26 August 2024

Received in revised form 05 October 2024

Accepted 21 October 2024

Published 20 August 2025

Keywords:

Cyberbullying

Traditional bullying

Middle school student

High school students

Corresponding author:

Nguyen Thi Ngoc Be

E-mail address:

ntngocbe@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The aim of this study is to investigate the prevalence of bullying (both traditional bullying and cyberbullying) among middle and high school students. A total of 1,582 students from 23 middle and high schools in the provinces of Thua Thien Hue, Ba Ria – Vung Tau, Hanoi, Dong Nai, and Ho Chi Minh City participated in the study and completed a questionnaire that included demographic questions and the Cyberbullying and Victimization Questionnaire by Campfield (2008). The results showed that for traditional bullying, 3.1% of students self-reported as perpetrators, 21.2% as victims, and 15.9% as both perpetrators and victims, while 947 students (59.9%) reported no involvement. There was no gender difference in traditional bullying behavior and victimization; however, high school students were more likely to engage in traditional bullying than middle school students. Regarding cyberbullying, 1.2% of students self-reported as perpetrators, 25.5% as victims, and 5.9% as both perpetrators and victims, while 1,066 students (76.4%) reported no involvement. Male students were more likely to engage in bullying than female students. However, there was no gender difference in cyberbullying victimization. Middle school students were more likely to be cyberbullied, while high school students were more likely to engage in cyberbullying. The study contributes additional empirical data on traditional and cyberbullying among middle and high school students.
